

# QUAN HỆ KINH TẾ GIỮA CÁC DÂN TỘC VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT - LÀO KHU VỰC CÁC TỈNH ĐIỆN BIÊN, SƠN LA, NGHỆ AN VÀ HỦA PHẤN, XIÊNG KHOẢNG

Trần Bình<sup>a</sup>

Đặng Minh Ngọc<sup>b</sup>

<sup>a</sup> Đại học Văn Hóa Hà Nội

Email: binhvt@huc.edu.vn

<sup>b</sup> Viện Dân tộc học

Email: dmngoc@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/2/2020

Ngày phản biện: 25/2/2020

Ngày tác giả sửa: 28/2/2020

Ngày duyệt đăng: 20/3/2020

Ngày phát hành: 31/3/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/379>

*Bài viết được hình thành trên cơ sở kết quả điều tra, nghiên cứu tại địa bàn khu vực biên giới Việt - Lào, thuộc các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Nghệ An (Việt Nam); Hủa Phấn, Xiêng Khoảng (Lào). Thực tế cho thấy, quan hệ kinh tế giữa các dân tộc hai bên biên giới Việt - Lào, chính là minh chứng hùng hồn nhất cho đường lối, chính sách đúng đắn của hai Đảng và hai Nhà nước, thể hiện rõ nét mong muốn xây dựng, vun đắp tình hữu nghị trong sáng, bền vững, thủy chung Việt - Lào. Nghiên cứu quan hệ kinh tế cũng là cơ sở để các nhà quản lý có định hướng hỗ trợ phát triển kinh tế, đa dạng hóa sinh kế cho đồng bào các dân tộc sinh sống tại khu vực biên giới.*

**Từ khóa:** Biên giới Việt - Lào; Quan hệ kinh tế giữa các dân tộc; Khu vực các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Nghệ An và Hủa Phấn, Xiêng Khoảng.

## 1. Đặt vấn đề

Quan hệ giữa các dân tộc vùng biên giới Việt - Lào bao gồm nhiều hoạt động. Đa số là quan hệ có tổ chức, mang tính nhà nước, hoạt động trên cơ sở các hiệp định, quy chế của hai nhà nước (Việt - Lào). Quan hệ cấp tính như: Sơn La - Hủa Phấn; Điện Biên - Hủa Phấn, Điện Biên - Luông Pha Bông; Nghệ An - Xiêng Khoảng... hoặc cấp huyện: Mộc Châu - Sốp Bâu; Sông Mã - Mường É; Yên Châu - Xiêng Khô; Kỳ Sơn - Noong Hét, Quê Phong - Sầm Tở... Bên cạnh đó, còn có các quan hệ kinh tế tự phát, phi chính phủ của các tổ chức kinh tế tư nhân, của người dân hai bên biên giới. Thường những quan hệ này biểu hiện thông qua trao đổi, buôn bán các loại hàng hóa ở các cửa khẩu, các trung tâm chợ, thị trấn, thị tứ... ở hai bên đường biên. Đặc biệt, có nơi đó là quan hệ cho thuê đất trồng trọt, kinh doanh, một số nơi có những hợp đồng thu gom, bao tiêu hàng nông sản, buôn bán vật tư, vật liệu xây dựng...

Ngoài các cơ sở là quan hệ ngoại giao, quan hệ chính trị hữu nghị... giữa hai nhà nước còn có những cơ sở pháp lý trực tiếp của quan hệ kinh tế. Một trong số đó là Hiệp định về quy chế biên giới Quốc gia giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, ngày 1/3/1990. Hiệp định ghi rõ những quy định về hoạt động giao lưu kinh tế ở điều 13, 15, 17<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Điều 13: Khoản a) Công dân cư trú trong khu vực biên giới bên này được sang các xã, bản tiếp giáp và lân cận thuộc khu vực biên giới bên kia để mua bán, trao đổi hàng hóa cần thiết cho đời sống,

Trên cơ sở quan hệ hữu nghị giữa hai nước, ngay từ những năm trước khi có Hiệp định về quy chế biên giới Việt - Lào (1990), các tỉnh giáp biên với Lào đã thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ giúp đỡ phát triển kinh tế cho các địa phương của Lào. Đặc biệt, tại các địa phương giáp biên, các tỉnh và các huyện của Việt Nam hàng năm đều thực hiện kế hoạch giúp đỡ phát triển kinh tế cho phía bạn Lào ở tất cả các lĩnh vực. Điều căn bản là làm thế nào để duy trì và phát huy hiệu quả tích cực các quan hệ kinh tế này, mãi mãi song hành cùng quan hệ hữu nghị trong sáng, thủy chung Việt - Lào.

Quan hệ kinh tế tự phát giữa hai bên biên giới Việt - Lào bao gồm nhiều nội dung, lĩnh vực, hình thức khác nhau. Đó là những hoạt động kinh tế tự phát giữa các tổ chức kinh tế tư nhân và giữa người

cho sản xuất, thăm viếng người thân, xem phim, xem biểu diễn văn nghệ. Khoản b) Hai bên ký kết quy định thể thức, danh mục, giá trị và số lượng hàng và tiền tệ của công dân ở khu vực biên giới mỗi bên được phép mang qua biên giới theo khoản a điều này.

Điều 15: Khoản a) Khi có dịch bệnh với người, vật nuôi, cây trồng ở trong khu vực biên giới một bên, chính quyền địa phương bên đó phải có biện pháp phòng chống kịp thời; đồng thời phải báo ngay cho chính quyền bên kia biết. Nếu được yêu cầu, bên kia sẽ tích cực và kịp thời giúp đỡ với mọi khả năng của mình. Khoản b) Trong thời gian có dịch bệnh với người phải tạm ngừng việc qua lại ở khu vực biên giới có dịch bệnh. Khi có vật nuôi, cây trồng bị dịch bệnh phải tạm ngừng việc mua bán, di chuyển qua biên giới vật nuôi, cây trồng đó.

Điều 17: Khoản a) Mỗi bên ký kết giáo dục nhân dân ở khu vực biên giới bên mình tránh không để gia súc sang khu vực biên giới bên kia phá hoại hoa màu, trường hợp gia súc phá hoại hoa màu...

dân với nhau. Bài viết chỉ đề cập đến quan hệ tự phát giữa dân với nhau.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu quan hệ tộc người hai bên biên giới Việt – Lào, những năm gần đây được các cơ quan nghiên cứu và các nhà nghiên cứu khá quan tâm. Trong khoảng hai thập niên gần đây, nghiên cứu về vấn đề này có thể kể đến: “Quan hệ dân tộc vùng biên giới Việt – Lào” (Son & Các cộng sự, 2008); “Nghiên cứu người Mông ở biên giới Việt – Lào” (Hoan & Các cộng sự, 2011); “Một số vấn đề cơ bản về văn hóa trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam” (Tình & Các cộng sự, 2012); “Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam” (Đính & Thanh, 2013); “Một số vấn đề cơ bản về dân tộc - tôn giáo trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam” (Son, 2013); “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc” (Viện Dân tộc học, 2015)... Ngoài việc đề cập đến quan hệ nguồn gốc, quan hệ văn hóa, quan hệ hôn nhân... các đề tài đều cập tới quan hệ kinh tế, ở góc độ động lực và hệ quả, trong hệ thống các quan hệ giữa các tộc người hai bên biên giới Việt - Lào.

Cũng thuộc quan hệ giữa các tộc người biên giới Việt – Lào, ngoài việc đề cập tới cơ sở căn bản: Đường lối đoàn kết, hữu nghị,... thủy chung giữa hai Đảng và hai Nhà nước Việt - Lào, các nghiên cứu đặc biệt chú ý tới quan hệ thân tộc, hôn nhân, di cư, di cư tự phát,... Đây chính là một trong số những nguyên nhân thúc đẩy quan hệ tự phát của cư dân các dân tộc hai bên biên giới. Thực trạng này đã tồn tại từ nhiều năm, tập trung chủ yếu ở vùng giáp biên, thuộc khu vực biên giới các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam,... Theo kết quả nghiên cứu cách đây khoảng chục năm, đã có tới 7.066 người di cư tự do từ Việt Nam sang Lào; 4.535 người từ Lào di cư sang Việt Nam; 679 người Việt Nam kết hôn qua biên giới với người Lào và 1.385 người Lào kết hôn qua với người Việt Nam;... (Hoa & các cộng sự, 2015).

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được xây dựng trên cơ sở kết quả điều tra, nghiên cứu thực địa tại địa bàn khu vực biên giới Việt - Lào, thuộc các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Nghệ An (Việt Nam); Hủa Phăn, Xiêng Khoảng (Lào).

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Đặc điểm tự nhiên, xã hội khu vực nghiên cứu

Vùng lãnh thổ khu vực biên giới Việt – Lào thuộc địa phận tỉnh Điện Biên bao gồm 3 huyện: Mường Nhé (có 203,5km đường biên; Điện Biên (có 84,33km đường biên giới); Mường Chà (62,17km đường biên);... Vùng biên giới Việt - Lào thuộc địa phận tỉnh Sơn La bao gồm lãnh thổ thuộc 316 bản/ 19 xã/5 huyện (Sốp Cộp, Sông Mã, Mai Sơn, Yên

Châu và Mộc Châu);... Khu vực biên giới thuộc tỉnh Nghệ An bao gồm các huyện Thanh Chương, Con Cuông, Tương Dương, Quế Phong. Bên kia đất Lào là lãnh thổ của 7 Mường thuộc các tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Buli Khămxay, với đường biên giới dài tới 419km, với các cửa khẩu: Nậm Cắn, Thanh Thủy, Tam Hợp, Thông Thụ.

Đây là vùng núi non hiểm trở, giao thông rất khó khăn, với các dãy núi cao từ 200-1.800m nằm trong lưu vực đầu nguồn sông Đà, sông Mã... Khu vực này có khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình. Đất trồng cây lương thực và hoa màu chiếm không quá 2%, còn lại là đất rừng, đất lâm nghiệp, với một số khu bảo tồn quốc gia (Khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia Mường Nhé rộng 182.000ha...). Về giao thông, phần lớn các xã có đường ô tô đến trung tâm; các xã giáp biên đều có trường cấp I-II, trạm y tế, trong đó, hạ tầng cơ sở (nhất là tuyến xã) vẫn là trở ngại lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Về xã hội, phần lớn các xã đều thuộc diện Chương trình 135, bình quân thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao.

Đây là khu vực có nhiều dân tộc thiểu số (Mông, Khơ-mú, Xinh-mun, Lào, Lự, Thái, ...) cư trú, có mật độ dân số trung bình khoảng 30 người/km<sup>2</sup>, thấp hơn nhiều so với khu vực nội địa. Phần lớn các địa phương đã được công nhận phổ cập giáo dục Tiểu học và xóa mù chữ; Hệ thống y tế, khám chữa bệnh đã dần hoàn chỉnh, chất lượng khám chữa bệnh đã được nâng cao, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân; số giường bệnh trên vạn dân còn thấp so với cả nước; Lực lượng cán bộ y tế được tăng cường, nhưng còn nhiều bất cập cả về số lượng và chất lượng, rất hiếm trạm y tế xã có bác sĩ. Trong khu này, phía bên Lào gồm các huyện: Mường Mây, Mường Ngòi, Viêng Khăm, Nhọt U, Sầm Phăn, Phong Xa Lý, Mường Xiêng Kho, Mường Ét, Mường Xốp Bau, Xăm Nửa, Mường Viêng Xay, Mường Hủa Muong, Mường Xăm Tay, Mường Viêng Thoong,... Đây là địa bàn vùng núi, đời sống kinh tế - xã hội còn khá thấp. Về các điều kiện tự nhiên, cũng gần giống như vùng giáp biên ở Việt Nam. Y tế, giáo dục,... còn nhiều hạn chế, hạ tầng giao thông chưa phát triển so với yêu cầu thực tiễn đặt ra, đi lại khó khăn... Đây là khu vực cư trú của các tộc người thiểu số ở Lào như: Lào, Phu Thay, Tày Đeng, Khơ-mú, Xinh mun, Dao và Mông... mật độ dân số trung bình: 16 người/km<sup>2</sup>.

Tại các tỉnh được điều tra, kết hôn giữa các tộc người ở hai bên biên giới, khá phổ biến. Dữ liệu thu thập ở bản Noọng Zẹ, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An minh chứng (Trường bản Lương Phò Von, 10/2006): Thời điểm điều tra, Noọng Zẹ có 7 người đàn ông lấy vợ và đang cư trú bên Lào: Lương Phò Chù, 50 tuổi (sống ở Noọng Hét), Khả Văn Săn, 50 tuổi (ở bản Ban, Mường Khăm), Lương Máy Ôn (ở bản Pén, Mường Khăm, Xiêng Khoảng), Lương Văn Chấn (Phả Viêng, Viêng Chấn), Lương

Văn May (ở Noọng Hét), Lương Văn Công 50 tuổi (ở Viêng Chăn), Lương Văn Mãng (50 tuổi, ở Viêng Chăn)... Khả Mẹ Khét, lấy chồng người Lào (ở bản Ban, Mường Khăm)... Ngoài ra, một số người đi bộ đội, lấy vợ, lập gia đình và sinh sống ở bên Lào.

Điều tra ở tỉnh Điện Biên cho thấy: Các cặp kết hôn bên Lào rồi đưa nhau về cư trú ở Việt Nam (xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên), có khai báo với biên phòng và chính quyền xã. Thời điểm 2006, cả xã Mường Nhà có 25 người lấy vợ bên Huổi Lới (Lào); 10 người lấy chồng bên Huổi Lới (Lào); Ông Chủ tịch UBND xã Mường Nhà (Điện Biên) có 3 em trai lấy vợ là người Lào, hiện nay ba ông này đang cư trú bên Mường Mây (Lào).

**Bảng 1:** Các cửa khẩu đường bộ Việt – Lào

Tên cửa khẩu phía bên Việt Nam	Tên đường bộ qua biên giới	Tên cửa khẩu phía bên Lào
Tây Trang	Đường 42	Sốp Hùn
Lóng Sập	Đường 43	Pa Háng
Na Mèo	Đường 217	Nậm Xôi
Nậm Cắn	Đường 7	Nậm Kàn
Cầu Treo	Đường 8	Nậm Pao
Cha Lo	Đường 12	Na Pao
Lao Bảo	Đường 9	Đen sa vắn
Bờ Y	Đường 18	Phu Cưa

*Nguồn:* Hiệp định về quy chế biên giới Quốc gia giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, 1/3/1990

**4.2. Quan hệ kinh tế giữa các dân tộc vùng biên Việt - Lào**

Quan hệ giữa các dân tộc vùng biên giới Việt – Lào bao gồm nhiều hoạt động. Đa số là quan hệ có tổ chức chặt chẽ, mang tính nhà nước, thường hoạt động trên cơ sở các hiệp định, quy chế của hai nhà nước (Việt/Lào) cấp tỉnh như: Sơn La-Hủa Phăn; Điện Biên-Hủa Phăn, Điện Biên-Luông Pha Bông; Nghệ An-Xiêng Khoáng... hoặc cấp huyện: Mộc Châu-Sốp Bâu; Sông Mã-Mường Ét, Yên Châu-Xiêng Kho; Kỳ Sơn-Noọng Hét, Quế Phong-Sâm Tót, Mường Nhé-Nhọt, Mường Nhé-Mường U, Mường Nhé-Mường Mây, Mường Chà-Mường Ngòi... Bên cạnh đó, còn có các quan hệ kinh tế tự phát, phi chính phủ của các tổ chức kinh tế tư nhân, của người dân hai bên biên giới. Thường những quan hệ này biểu hiện thông qua trao đổi, buôn bán các loại hàng hóa ở các cửa khẩu, các trung tâm chợ, thị trấn, thị tứ... ở hai bên đường biên. Đặc biệt, có nơi là quan hệ cho thuê đất trồng trọt, kinh doanh,... Tuy không nhiều nhưng một số nơi có những hợp đồng thu gom, bao tiêu hàng nông sản, buôn bán vật tư, vật liệu xây dựng... của các tổ chức và cá nhân.

Ngoài các cơ sở là quan hệ ngoại giao, quan hệ chính trị hữu nghị,... giữa hai nhà nước, một trong số những cơ sở pháp lý trực tiếp của các quan hệ kinh tế vùng biên giới Việt – Lào: Hiệp định về quy

chế biên giới quốc gia giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, ngày 1/3/1990. Những quy định về hoạt động giao lưu kinh tế trong văn bản này ghi rõ ở điều 13, 15, 17.

**4.2.1. Quan hệ kinh tế nhà nước ở khu vực biên giới Việt - Lào**

Trên cơ sở quan hệ hữu nghị giữa hai nước, ngay từ những năm trước khi có hiệp định về quy chế biên giới Việt - Lào (1990), các tỉnh giáp biên với Lào đã thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ giúp đỡ phát triển kinh tế cho các địa phương của Lào. Đặc biệt, tại các địa phương giáp biên, các tỉnh và các huyện của Việt Nam hàng năm đều thực hiện kế hoạch giúp đỡ phát triển kinh tế cho phía bạn Lào ở tất cả các lĩnh vực.

(i) Tư liệu khảo sát ở tỉnh Sơn La cho thấy: Các cam kết hợp tác về kinh tế giữa Sơn La và các tỉnh huyện bạn ở Lào bao gồm đầy đủ các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi; nông cụ; thủy lợi; thủ công nghiệp; giao thông vận tải; bưu điện; thương nghiệp; y tế... Nội dung chính các cam kết này là tỉnh Sơn La giúp 2 huyện Xiêng Kho và Mường Sơn phát triển các lĩnh vực trên, kể cả hỗ trợ tài chính, vật tư, thiết bị, kỹ thuật; hỗ trợ đào tạo cán bộ... Trong đó, về chăn nuôi thì tỉnh Sơn La cam kết tăng cường công tác thú y; tiêm phòng cho các điểm; cung cấp thuốc tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc tại một số xã theo yêu cầu của quần chúng...

Trên cơ sở các ký kết đó, các hợp tác hỗ trợ giữa hai bên được triển khai. Giai đoạn từ 1968 – 2007, hàng năm tỉnh Sơn La cử vài chục cán bộ, tổ chức thành 2 đội, một ở Mường Sơn, một ở Xiêng Kho thuộc tỉnh Hủa Phăn của Lào phát triển kinh tế (Y tế: 9 cán bộ, nông nghiệp: 7, lâm nghiệp: 3, thủy lợi: 6, thủ công nghiệp: 3, khảo sát, xây dựng đường sá: 8, giáo viên: 1, bưu điện: 1). Xây dựng ở mỗi huyện vùng biên bên Lào 1 bản làm mô hình thí điểm tăng vụ sản xuất cây trồng. Kết quả: Năng suất tăng từ 1.800kg lên 1.900kg/ha, tỉnh Sơn La đã cung cấp cho Xiêng Kho và Mường Sơn nhiều vật tư nông nghiệp (3.400kg giống lúa chiêm, 18kg hạt giống các loại rau, 54 chiếc cây 51 (đồng bộ), 54 chiếc bừa sắt (đồng bộ), 4 cào cỏ cải tiến loại 64A, 9 bình bơm thuốc trừ sâu, Trên 500 nông cụ cho Mường Sơn, 350 dụng cụ làm thủy lợi, 200kg thuốc nổ, 2.000kg xi măng...). Hướng dẫn người dân tại các bản thí điểm: Tăng vụ kỹ thuật canh tác các loại cây trồng; khởi công xây dựng công trình thủy lợi Chiềng Khương-Xiêng Khùn (tiền độ 2 năm), làm mới 5 công trình kênh mương với chiều dài 3.500m (trời cho 19ha); làm mới 3 mương dẫn nước với chiều dài 5.00m; làm ruộng nước; làm thủy lợi ở quy mô cấp xã; tập huấn cán bộ thủy, trồng trọt, làm đường giao thông cho các huyện Xiêng Kho, Mường Sơn... Giai đoạn trên, tỉnh Sơn La đã giúp các huyện giáp biên bên Lào: Xây dựng 1 cơ sở rèn ở huyện Xiêng

Khọ; trang bị cho bạn được 1 máy nổ diesel, 2 máy xay xát; cấp cho bạn 500kg dầu mỡ, 2.000kg than đá, 1.000kg sắt thép nguyên liệu rèn; cử 3 nhân viên kỹ thuật trực tiếp hướng dẫn 10 người học việc của bạn... Về giao thông, tỉnh Sơn La đã giúp các huyện giáp biên của Lào: Hoàn thành khảo sát tuyến đường dân sinh từ Lành Bánh (tỉnh Sơn La) đến Mường Pô (Lào), với chiều dài 45km; thi công được 35km; giúp bạn 6.000 công lao động làm đường; làm mới đường ô tô từ Chiềng Khương (Sông Mã) đi Xiềng Khùn (Mường Ét, Hòa Phấn).

Ngoài hợp tác ở cấp tỉnh, huyện, tất cả các xã, thôn (bên Việt Nam) giáp biên giới với Lào, đều có chương trình, kế hoạch hoạt động giúp đỡ phát triển kinh tế đối với các bản bên Lào. Việc hỗ trợ phát triển kinh tế được bàn bạc cũng như kiểm tra, đánh giá thường xuyên thông qua các cuộc giao ban biên giới tương đương giữa hai bên. Theo quy định đã thống nhất, một tháng, hai tháng hoặc ba tháng/lần giữa xã/xã, huyện/huyện, tỉnh/tỉnh... Nội dung các cuộc giao ban bao gồm nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề quan trọng hàng đầu, đó là hỗ trợ phát triển kinh tế đối với các bản Lào từ phía các xã, huyện và tỉnh của Việt Nam.

(ii) Tư liệu khảo sát ở một số xã thuộc huyện Sông Mã (Sơn La) cho thấy: Quan hệ kinh tế giữa Chiềng Khương và Sông Mã (Sơn La, Việt Nam) với Xiềng Khùn và Mường Mai (Hòa Phấn, Lào) gồm các nội dung: Chiềng Khương cung cấp hàng hóa, vật tư nông nghiệp, giống cây, con cho Xiềng Khùn (Lào); chịu trách nhiệm bao tiêu gồm: Thóc, ngô, đậu tương, nhân quả tươi... cho dân bên Lào... Mặt khác, hàng ngày có khoảng 25-30 người dân vùng biên giới của Lào sang mua bán tại chợ Chiềng Khương (Sông Mã, Sơn La); hàng hóa được mua bán tại vùng biên huyện Mường Ét của Lào có tới 80% được sản xuất tại Việt Nam, 20% được sản xuất tại Thái Lan. Đặc biệt các mặt hàng quan trọng đối với miền núi như muối i ốt, dầu hỏa thì 100% có nguồn gốc từ Việt Nam; nhiều người dân Chiềng Khương, Sông Mã... mở cửa hàng bán tạp hóa, thu mua nông sản tại thị trấn Mường Ét (Hòa Phấn)... Hàng tháng, các xã giáp biên ở hai bên biên giới thường tổ chức các cuộc giao ban, để triển khai và kiểm tra, đánh giá về các hợp tác giữa hai bên (Theo các ông Lữ Đình Coong, Đồn trưởng Đồn Biên phòng cửa khẩu Chiềng Khương; Hà Văn Lanh, Chủ tịch UBND; Lò Văn Páng, Bí thư Đảng bộ xã Mường Hưng, Trần Văn Quảng, Chủ tịch UBND xã Chiềng Khương...)

#### 4.2.2. Quan hệ kinh tế tự phát của dân giáp biên

Quan hệ kinh tế tự phát giữa hai bên biên giới Việt - Lào bao gồm nhiều nội dung, lĩnh vực, hình thức khác nhau. Đó là những hoạt động kinh tế tự phát giữa người dân với nhau. Thực tế khu vực này cũng đã xuất hiện các quan hệ kinh tế giữa các tổ chức kinh tế tự nhân với nhau, nhưng rất ít và quá

nhỏ lẻ. Bài viết chỉ đề cập đến quan hệ tự phát giữa dân với nhau.

(i) Tư liệu khảo sát ở xã Năm Cẩn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An cho thấy: Dân cư khu vực giáp Kỳ Sơn, chủ yếu là người Mông, Thái, Kơ-mú,... các bản của họ thưa thớt, xa biên giới. Dân ở các bản bên Lào có quan hệ hôn nhân với bên các bản Mông và Thái của huyện Kỳ Sơn, Nghệ An... Bên Việt Nam, người Mông rèn nông cụ và đan lát, người Thái đan chổi đót, Kơ-mú làm ghè mây... bán cho dân ở Lào. Tại Năm Cẩn, có 10 bà người Mông, thường xuyên buôn bán tạp hoá ở chợ Đin Đăm bên Lào, chợ Mường Lống, Huổi Tụ trong huyện, chợ thị trấn Mường Xén. Xưa kia, chợ Năm Cẩn thu hút dân toàn vùng, cả ở huyện Con Công, Tương Dương và người dân bên Lào. Lái buôn người bên Việt Nam thường xuyên sang các bản ở Lào tìm mua trâu, bò, ngựa. Cũng có người thuê dân bên Lào mua gom sản, sau đó dắt qua Việt Nam đường tiêu ngạch, thanh toán bằng tiền Kíp, VNĐ và USD đều được. Ở khu vực Năm Cẩn có khoảng 10 người chuyên mua bò, ngựa bên Lào về bán cho tư thương xuôi (Bản Trường Sơn: Sùng Dưa Pó, Lý Nỏ Vừ, Sùng Xia Vừ, Lâu Pà Chành,... Bản Huổi Póc: Sùng Trùng Mùa, Sùng Gà Lâu, Lâu Lệnh Vàng, Lâu Dưa Và, Cự Pà Chây, Cự Dúng Mạ). Mỗi tháng họ đi mua một chuyến, 8-20 con, cả ngựa, trâu, bò, mỗi năm có đến hàng ngàn con. Việc buôn bán ở bên Lào cần quen thông thạo, có đường dây, quen biết rộng... nên chủ yếu là người Mông, người Kinh thực hiện, người Thái, Kơ-mú không làm được.

(ii) Tư liệu khảo sát ở các huyện Sông Mã, Sốp Cộp (tỉnh Sơn La): Ngoài trao đổi ở các bản giáp biên, việc trao đổi mua bán giữa hai bên biên giới còn được thực hiện qua đội ngũ tiêu thương chuyên nghiệp. Qua khảo sát cho thấy, chủ yếu người dân Sông Mã, Sốp Cộp sang kinh doanh tại các chợ, thị trấn giáp biên của Lào. Hàng hoá sản xuất tại Việt Nam được bán nhiều tại các chợ, các trung tâm xã, huyện lỵ giáp biên của Lào. Có tới 80% số hàng hóa được trao đổi buôn bán trên đất Lào, do Việt Nam sản xuất. Trọng đó đáng chú ý nhất là các loại hàng thiết yếu: Dầu hỏa, muối i ốt, quần áo, giày dép, bột giặt, bánh kẹo, mỳ ăn liền... Điều tra tại một quán bán hàng tạp hoá tại một chợ ở Mường Mai (Hòa Phấn), các loại hàng sản xuất tại Việt Nam được bày bán ở đây gồm: Bột giặt Ô mô, star; men rượu (hiệu Thủy Trang); các loại nước rửa chén, rửa bát; mỳ chính (bột ngọt) hiệu Miwon; kẹo, bánh xốp các loại được sản xuất tại Sơn La; chè gói, chè túi các loại; mỳ ăn liền (hiệu Hảo Hảo); phở ăn liền (hiệu Hồ Gươm); muối i ốt; dầu hỏa; cuộn, xeng, dao...; chậu, thùng, can nhựa các loại; quần áo may sẵn các loại; xi măng, gạch men, sắt thép xây dựng, tấm lợp phibroximăng... (Số liệu điều tra tại quán bán lẻ của bà Lang Ban (người Lào) tại thị trấn Mường Mai, Hòa Phấn, Lào, ngày 10/3/2007).

Tại chợ Chiềng Khương (huyện Sông Mã), theo kết quả khảo sát vào tháng 3/2006, các mặt hàng có nguồn gốc từ Lào gồm: Rượu uống (hiệu Ngựa Đen), sản xuất tại Viêng Chăn; dép tông Thái Lan; các loại giấy lau, giấy dùng khi ăn uống... Các loại hàng hóa ở đây được mua bán, trao đổi bằng Kíp (tiền Lào), nhưng cũng có thể bằng tiền Việt Nam (Đồng). Thời giá hối đoái trên thị trường tự do tại Mường Ét (Hủa Phăn), vào tháng 3/2006: 1 kíp = 1,50 đồng (1.000 kíp = 1.500 VNĐ). Việc người dân Lào sử dụng VNĐ để trao đổi mua bán tại các vùng giáp biên của Lào tương đối phổ biến, kể cả ở tại các bản.

Cùng với buôn bán hợp pháp, cũng có hiện tượng buôn bán trốn thuế và buôn bán các loại hàng cấm... Tham gia vào các loại hình buôn bán qua biên giới này phần lớn là người Mông và người Kinh. Từ tháng 1/2001-3/2002, tỉnh Sơn La đã bắt giữ 42 đối tượng (trong đó có 5 công dân Lào), 24,76 kg thuốc phiện, 848 viên hồng phiện, 2,64 kg hêrôin, 1,7 kg hạt thuốc phiện. Những vụ vận chuyển ma túy trái phép qua biên giới đáng chú ý: Năm 2005, vận chuyển 6 bánh hêrôin qua khu vực cửa khẩu Pa Háng (Mộc Châu); vận chuyển 5 bánh hêrôin qua khu vực cửa khẩu Sốp Cộp. Các đối tượng vận chuyển hầu hết đều là người Mông đang sinh sống ở bên Lào. Năm 2005, Biên phòng Sơn La đã bắt giữ: 37 vụ/61 đối tượng buôn bán vận chuyển ma túy qua biên giới; thu giữ 4.500 gram hêrôin, 2.351 viên hồng phiện, 12 xe máy vận chuyển ma túy trái phép...

Ở Nghệ An, đồn biên phòng Na Loi, huyện Kỳ Sơn bắt giữ một đối tượng vận chuyển 35 viên hồng phiện qua biên giới sang Việt Nam (Theo báo cáo của Ban Chính trị, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Sơn La, 2006 và Đồn biên phòng Na Noi, Kỳ Sơn, Nghệ An). Cũng thuộc quan hệ kinh tế tự phát, xâm canh, thuê đất canh tác trái phép... xuất hiện trong khu vực biên giới Việt - Lào khá phổ biến. Hiện tượng này thường thấy trong một số hộ người Mông. Cây trồng chính trên các loại đất này thường là anh túc.

Khai thác gỗ lâm sản trái phép, cũng là hoạt động tự phát của số ít người dân, trong khu vực. Ví dụ: Năm 2002, dân giáp biên bên Việt Nam khai thác gỗ trái phép tại đầu nguồn Huổi Tiu, Huổi Ca Chăm, Mường Pợ (Viêng Thoong, Luông Pha Băng). Từ năm 2003 trở về trước dân các xã giáp biên giới ở Việt Nam, thường sang bên Lào khai thác gỗ về dựng nhà. Số ít còn dẫn đường cho những người ở miền Trung, đi khai thác trầm hương trong rừng, vùng giáp biên của Lào (Thông tin của ông Trần Văn Quảng, Chủ tịch UBND xã Chiềng Khương (huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La).

### 5. Thảo luận

Khu vực biên giới Việt - Lào được lựa chọn khảo sát, nghiên cứu bao gồm các địa phương giáp biên, ở các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Nghệ An (Việt Nam) và Hủa Phăn, Xiêng Khoảng (CHDCND

Lào). Ở cả hai bên biên giới, đều là vùng rừng núi, hiểm trở, hẻo lánh, kinh tế - xã hội kém phát triển. Cư dân trong khu vực, đều thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số, có quan hệ lâu đời về tộc người, văn hóa, hôn nhân và mưu sinh. Cùng với đường lối, chính sách xuất phát từ quan hệ hữu nghị giữa hai Đảng và hai Nhà nước Việt - Lào, những đặc điểm tự nhiên, xã hội của khu vực, là tiền đề thuận lợi để quan hệ kinh tế, giữa các dân tộc hai bên biên giới phát triển và thu được nhiều thành tựu đáng kể.

Quan hệ kinh tế giữa các dân tộc trong khu vực, biểu hiện rõ nhất là quan hệ nhà nước, giữa các cấp (tỉnh, huyện/mường, xã/cụm và bản) trong vùng. Quan hệ đó phần lớn thông qua sự hỗ trợ, giúp đỡ của các địa phương phía Việt Nam, với các địa phương giáp biên bên Lào. Các lĩnh vực kinh tế, mà quan hệ đó tham gia khá phong phú: Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ nhân công, hỗ trợ vật tư, giống cây con, bao tiêu nông sản, xây dựng kế hoạch, đánh giá, kiểm tra, tổng kết, giao ban rút kinh nghiệm... Điều căn bản là làm thế nào để duy trì và phát huy hiệu quả tích cực quan hệ này song hành cùng với quan hệ hữu nghị trong sáng, thủy chung Việt - Lào.

Quan hệ tự phát của người dân hai bên biên giới là bộ phận không thể thiếu, trong quan hệ kinh tế của các dân tộc hai bên biên giới Việt - Lào. Trong đó, quan hệ buôn bán, trao đổi hàng hóa tiêu dùng là chủ đạo. Không những chỉ có tiêu thương giữ vai trò chính, mà người dân ở các bản giáp biên, cũng có vai trò lớn trong quan hệ kinh tế này. Hàng hóa được trao đổi, mua bán ở lĩnh vực quan hệ này, phần lớn được sản xuất ở Việt Nam, người mua chủ yếu là các dân tộc thiểu số vùng biên Lào. Hoạt động này giữ vai trò khá quan trọng trong đời sống nhân dân các tộc người hai bên biên giới.

Các quan hệ kinh tế giữa các dân tộc hai bên biên giới Việt - Lào, khu vực điều tra, nghiên cứu, nhìn chung mang tính lành mạnh, tích cực, phục vụ tốt cuộc sống của họ. Tuy thế, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, khu vực này cũng đã xuất hiện các hoạt động buôn bán trốn thuế, buôn bán hàng cấm, xâm canh... qua biên giới. Các hoạt động tự phát nhỏ lẻ này, phần nào gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc vùng giáp biên. Đó chính là những vấn đề đặt ra, mà cả Việt Nam và Lào cần lưu ý khắc phục.

### 6. Kết luận

Sự phát triển tốt đẹp, thành quả của quan hệ kinh tế giữa các tộc người hai bên biên giới Việt - Lào, là sự minh chứng hùng hồn nhất, của đường lối, chính sách đúng đắn, của hai Đảng và hai Nhà nước, mong muốn xây dựng, vun đắp tình hữu nghị trong sáng, bền vững, thủy chung Việt - Lào. Mỗi quan hệ này vẫn đang tiếp tục được duy trì và phát triển theo thời gian cùng những đổi thay của quá trình hội nhập, và sự phát triển kinh tế - xã hội của

hại đất nước. Những đề xuất từ bài viết có thể bước đầu mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo cho vấn đề quan hệ kinh tế giữa các tộc người hai bên biên giới

Việt – Lào trong giai đoạn hiện nay, đồng thời cũng là gợi ý cho các nhà quản lý trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội vùng giáp biên.

**Tài liệu tham khảo**

Bình, T. (2001). *Tập quán hoạt động kinh tế của một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

Đính, B. X., & Thanh, N. N. (2013). *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*. Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Hoa, Đ. T., & Các cộng sự. (2015). *Nghiên cứu khoa học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020*. Báo cáo đề tài cấp Quốc gia, KX. 02/11-15, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Hoan, P. Q., & các cộng sự. (2011). *Nghiên cứu người Mông ở biên giới Việt –Lào*. Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Khattinha, U., & Luongphasi, Đ. (1996). *Vương quốc Khun Churong*. Vientean.

Lao National Font for Construction. (2005). *The Ethnic Groups in Lao P.D.R*. Vientean.

Son, L. H., & Các cộng sự. (2008). *Quan hệ dân tộc vùng biên giới Việt – Lào*. Hà Nội.

Son, L. H., & Các cộng sự. (2013). *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc- tôn giáo trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam*. Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Hà Nội.

Thiệu, N. D. (1996). *Cấu trúc tộc người ở Lào (Ethnic structure of Laos)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Tình, V. X., & Các cộng sự. (2012). *Một số vấn đề cơ bản về văn hóa trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam*. Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Trọng, C., Tịnh, B., & Ung, N. H. (1975). *Các dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. (2001). *Báo cáo số 40 /BC-UB*.

Viện Dân tộc học. (2015). *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người Vùng miền núi phía Bắc*. Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Hà Nội.

**ECONOMIC RELATIONS AMONG ETHNIC GROUPS IN VIETNAM - LAOS BORDER AREAS IN PROVINCES OF DIEN BIEN, SON LA, NGHE AN AND HUA PHAN, XIENG KHOANG**

**Tran Binh<sup>a</sup>**  
**Dang Minh Ngoc<sup>b</sup>**

<sup>a</sup> Hanoi University of Culture  
Email: binhtr@huc.edu.vn  
<sup>b</sup> Institute of Anthropology  
Email: dmngoc@gmail.com

Received: 20/2/2020  
Reviewed: 25/2/2020  
Revised: 28/2/2020  
Accepted: 20/3/2020  
Released: 31/3/2020

DOI:  
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/379>

**Abstract**

The article was formed on the basis of results of surveys and research in the Vietnam - Laos border areas in the provinces of Dien Bien, Son La and Nghe An (Vietnam); Hua Phan, Xieng Khoang (Laos). In fact, the economic relationship between ethnic groups on both sides of the Vietnam - Laos border is the most eloquent evidence for the correct policies and guidelines of the two Parties and the two States, clearly expressing their desires to build and cultivate a pure, sustainable and faithful friendship between Vietnam and Laos. Research on economic relations is also the basis for managers to orient to support economic development, diversify livelihoods for ethnic minorities living in border areas.

**Keywords**

Vietnam - Laos border; Economic relations among ethnic groups; Regions in the provinces of Dien Bien, Son La, Nghe An và Hua Phan, Xieng Khoang.